Ký bởi: Ủy ban nhân dân tỉnh Quảng Ngãi
Thời gian ký: 29/12/2020 16:23:52

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH QUẢNG NGÃI	CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
Số: 38 /2020/QĐ-UBND	*Quảng Ngãi, ngày 29 tháng 12 năm 2020*

QUYẾT ĐỊNH
Ban hành Quy chế xây dựng, quản lý và thực hiện Chương trình xúc tiến thương mại tỉnh Quảng Ngãi

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH QUẢNG NGÃI

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 22 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Nghị định số 163/2016/NĐ-CP ngày 21 tháng 12 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Ngân sách nhà nước;

Căn cứ Quyết định số 72/2010/QĐ-TTg ngày 15 tháng 11 năm 2010 của Thủ tướng Chính phủ về việc ban hành Quy chế xây dựng, quản lý và thực hiện Chương trình xúc tiến thương mại quốc gia;

Căn cứ Quyết định số 12/2019/QĐ-TTg ngày 26 tháng 02 năm 2019 của Thủ tướng Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Quy chế xây dựng, quản lý và thực hiện Chương trình xúc tiến thương mại quốc gia ban hành kèm theo Quyết định số 72/2010/QĐ-TTg ngày 15/11/2010 của Thủ tướng Chính phủ;

Căn cứ Thông tư số 171/2014/TT-BTC ngày 14 tháng 11 năm 2014 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn cơ chế tài chính hỗ trợ từ ngân sách nhà nước để thực hiện Chương trình xúc tiến thương mại quốc gia;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Công Thương tại Tờ trình số 2186/TTr-SCT ngày 30/11/2020; kết quả thẩm định của Giám đốc Sở Tư pháp tại các văn bản: Số 188/BC-STP ngày 26/11/2020, số 148/BC-STP ngày 19/10/2020 và ý kiến thống nhất của tập thể UBND tỉnh.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này Quy chế xây dựng, quản lý và thực hiện Chương trình xúc tiến thương mại tỉnh Quảng Ngãi.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 10 tháng 01 năm 2021 và thay thế Quyết định số 42/2013/QĐ-UBND ngày 05/9/2013 của UBND tỉnh ban hành Quy chế xây dựng, quản lý và thực hiện Chương trình xúc tiến thương mại tỉnh Quảng Ngãi; Quyết định số 49/2016/QĐ-UBND

ngày 12/9/2016 của UBND tỉnh về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Quy chế xây dựng, quản lý và thực hiện Chương trình xúc tiến thương mại tỉnh Quảng Ngãi ban hành kèm theo Quyết định số 42/2013/QĐ-UBND ngày 05/9/2013 của UBND tỉnh Quảng Ngãi.

Điều 3. Chánh Văn phòng UBND tỉnh, Trưởng ban Ban Quản lý Khu kinh tế Dung Quất và các Khu công nghiệp Quảng Ngãi; Giám đốc các Sở: Công Thương, Tài chính, Kế hoạch và Đầu tư, Tư pháp, Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Văn hóa, Thể thao và Du lịch; Chủ tịch UBND các huyện, thị xã, thành phố và Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:
- Như Điều 3;
- Văn phòng Chính phủ (b/cáo);
- Bộ Công Thương (b/cáo);
- Cục Kiểm tra văn bản QPPL – Bộ Tư pháp;
- Cục Xúc tiến Thương mại – Bộ Công Thương;
- Thường trực Tỉnh ủy (b/cáo);
- Thường trực HĐND tỉnh;
- Chủ tịch, PCT UBND tỉnh;
- Đoàn ĐBQH tỉnh;
- BTT.UBMTTQVN tỉnh;
- Đài Phát thanh và Truyền hình tỉnh;
- Báo Quảng Ngãi;
- Các Hiệp hội, Hội DN, Liên minh HTX tỉnh;
- VPUB: CVP, PCVP, các P.Ng/cứu, CBTH;
- Lưu: VT, KT việt466

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH QUẢNG NGÃI

Đặng Văn Minh

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH QUẢNG NGÃI	CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

QUY CHẾ
Xây dựng, quản lý và thực hiện Chương trình xúc tiến thương mại tỉnh Quảng Ngãi

(Ban hành kèm theo Quyết định số 38 /2020/QĐ-UBND ngày 29/12/2020 của UBND tỉnh Quảng Ngãi)

Chương I
QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh, đối tượng áp dụng

1. Quy chế này quy định việc xây dựng, quản lý và tổ chức thực hiện Chương trình xúc tiến thương mại tỉnh Quảng Ngãi (sau đây gọi tắt là Chương trình).

2. Quy chế này áp dụng đối với các đơn vị chủ trì thực hiện Chương trình (sau đây gọi tắt là đơn vị chủ trì), các đơn vị, cá nhân tham gia thực hiện Chương trình (sau đây gọi tắt là đơn vị tham gia), cơ quan quản lý Nhà nước về Chương trình, cơ quan cấp kinh phí hỗ trợ và các đơn vị, tổ chức, cá nhân có liên quan.

Điều 2. Giải thích từ ngữ

Trong Quy chế này, các từ ngữ dưới đây được hiểu như sau:

1. Chương trình là tập hợp các đề án xúc tiến thương mại được xây dựng theo định hướng phát triển hàng hoá phục vụ cho thị trường trong nước, được ngân sách tỉnh hỗ trợ kinh phí thực hiện.

2. Đề án xúc tiến thương mại (sau đây gọi tắt là đề án): Là đề án được lập để triển khai một hoặc một số nội dung hoạt động xúc tiến thương mại, có mục tiêu và đối tượng thụ hưởng cụ thể, có thời gian, địa điểm và kinh phí xác định.

Điều 3. Mục tiêu của Chương trình

Chương trình được xây dựng trên cơ sở định hướng phát triển thương mại, thị trường trong nước, thương mại miền núi và hải đảo, phù hợp với chiến lược phát triển kinh tế - xã hội theo từng giai đoạn được Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt, nhằm:

1. Tăng cường hoạt động xúc tiến thương mại, phát triển thị trường trong nước, thương mại miền núi và hải đảo.

2. Hỗ trợ công tác quy hoạch, vận hành hạ tầng thương mại.

3. Hỗ trợ phát triển thị trường các sản phẩm thuộc Chương trình "Mỗi xã một sản phẩm", sản phẩm mới chưa có cơ sở nào sản xuất trên địa bàn cấp huyện.

4. Góp phần nâng cao năng lực sản xuất, kinh doanh của cộng đồng doanh nghiệp, hợp tác xã, hộ kinh doanh và tổ hợp tác.

5. Gắn kết các hoạt động xúc tiến thương mại, đầu tư và du lịch.

Điều 4. Đơn vị chủ trì

1. Đơn vị chủ trì bao gồm:

a) Trung tâm Khuyến công và Xúc tiến thương mại thuộc Sở Công Thương.

b) Tổng công ty ngành hàng, các Hiệp hội, Hội doanh nghiệp, Liên minh Hợp tác xã và các đơn vị được giao chức năng, nhiệm vụ xúc tiến thương mại của tỉnh Quảng Ngãi.

2. Đơn vị chủ trì phải đáp ứng đủ các điều kiện sau:

a) Có tư cách pháp nhân.

b) Có khả năng huy động các nguồn lực để tổ chức thực hiện Chương trình.

c) Có kinh nghiệm, năng lực trong việc tổ chức các hoạt động xúc tiến thương mại.

d) Nắm rõ nhu cầu xúc tiến thương mại của đơn vị tham gia.

đ) Thực hiện Chương trình nhằm mang lại lợi ích cho cộng đồng đơn vị tham gia, không vì mục đích lợi nhuận.

e) Có đề án được Sở Công Thương phê duyệt theo quy định tại Quy chế này.

3. Đơn vị chủ trì được tiếp nhận kinh phí hỗ trợ theo quy định của Quy chế này, trực tiếp thực hiện nội dung các đề án và có trách nhiệm quyết toán kinh phí hỗ trợ theo quy định tại Quy chế này và các quy định hiện hành của Nhà nước.

Điều 5. Đơn vị tham gia

1. Đơn vị tham gia bao gồm:

a) Các doanh nghiệp thuộc mọi thành phần kinh tế; hợp tác xã.

b) Các tổ chức xúc tiến thương mại trong tỉnh.

c) Hộ kinh doanh có chứng nhận đăng ký và tổ hợp tác có thực hiện thông báo thành lập theo quy định pháp luật: Có hoạt động sản xuất, kinh doanh các sản phẩm được chứng nhận là sản phẩm thuộc Chương trình "Mỗi xã một sản phẩm" cấp tỉnh, cấp quốc gia.

2. Đơn vị tham gia phải đảm bảo đủ các điều kiện sau:

a) Có hoạt động sản xuất, kinh doanh trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi.

b) Có văn bản đề nghị tham gia gửi đến đơn vị chủ trì trong thời hạn quy định.

3. Ưu tiên doanh nghiệp nhỏ và vừa sản xuất, kinh doanh những sản phẩm truyền thống, đặc sản của tỉnh hoặc sản xuất các sản phẩm được chứng nhận là sản phẩm thuộc Chương trình "Mỗi xã một sản phẩm" cấp tỉnh, cấp quốc gia; sản phẩm mới chưa có cơ sở nào sản xuất trên địa bàn cấp huyện.

Điều 6. Cơ quan quản lý nhà nước về Chương trình

1. Sở Công Thương là cơ quan quản lý nhà nước về Chương trình, có trách nhiệm thực hiện các nhiệm vụ sau:

a) Quản lý kinh phí xúc tiến thương mại của tỉnh.

b) Tổng hợp các đề án đã được thẩm định, phê duyệt để đưa vào Chương trình.

c) Tổ chức triển khai, giám sát, đôn đốc, kiểm tra việc thực hiện các đề án thuộc Chương trình.

d) Tổng hợp, đánh giá kết quả, báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh và các cơ quan liên quan về tình hình thực hiện Chương trình.

2. Giám đốc Sở Công Thương quyết định thành lập Hội đồng thẩm định để thẩm định đề án thuộc Chương trình (sau đây gọi tắt là Hội đồng thẩm định). Thành phần Hội đồng thẩm định bao gồm: Đại diện các phòng, đơn vị có liên quan của Sở Công Thương, do lãnh đạo Sở Công Thương làm Chủ tịch. Hội đồng có trách nhiệm thẩm định các đề án của đơn vị chủ trì. Hội đồng thẩm định mời đại diện các sở, ngành khác có liên quan và tham khảo ý kiến chuyên gia trong quá trình thẩm định (nếu cần thiết).

3. Trên cơ sở kết quả thẩm định của Hội đồng thẩm định, Giám đốc Sở Công Thương phê duyệt đề án.

Điều 7. Kinh phí thực hiện Chương trình

1. Nguồn kinh phí thực hiện Chương trình:

a) Ngân sách Nhà nước bố trí trong dự toán chi thường xuyên hàng năm.

b) Đóng góp của các tổ chức, đơn vị tham gia Chương trình.

c) Tài trợ của các tổ chức, cá nhân trong và ngoài nước.

d) Nguồn kinh phí hợp pháp khác theo quy định của pháp luật.

2. Ngân sách tỉnh hỗ trợ kinh phí cho Chương trình theo nguyên tắc:

a) Kinh phí Chương trình được giao trong dự toán chi ngân sách hàng năm của Sở Công Thương;

b) Hỗ trợ đơn vị tham gia thông qua đơn vị chủ trì đề xuất;

c) Một nội dung hoạt động, đơn vị tham gia đã được hỗ trợ từ bất kỳ

nguồn kinh phí nào của Nhà nước thì không được hưởng hỗ trợ tại Quy chế này.

3. Kinh phí Chương trình được sử dụng cho mục đích sau:

a) Chi cho các nội dung xúc tiến thương mại quy định Chương II của Quy chế này;

b) Chi cho hoạt động quản lý Chương trình.

Điều 8. Quản lý kinh phí Chương trình

1. Tại thời điểm lập dự toán hàng năm, Sở Công Thương tổng hợp các đề án thuộc Chương trình vào dự toán ngân sách của Sở Công Thương gửi Sở Tài chính tổng hợp, thẩm định và trình cấp có thẩm quyền xem xét, quyết định.

2. Sau khi được cấp có thẩm quyền quyết định dự toán chi ngân sách cho Chương trình, Giám đốc Sở Công Thương tiến hành phê duyệt các đề án thuộc Chương trình và kinh phí được hỗ trợ theo nguyên tắc tổng kinh phí hỗ trợ để thực hiện các đề án không vượt quá dự toán chi ngân sách cho Chương trình đã được phê duyệt. Sau khi phê duyệt đề án, Giám đốc Sở Công Thương giao dự toán cho Trung tâm Khuyến công và Xúc tiến thương mại để chủ động thực hiện.

3. Căn cứ quyết định phê duyệt đề án của Giám đốc Sở Công Thương, Trung tâm Khuyến công và Xúc tiến thương mại ký hợp đồng thực hiện với các đơn vị chủ trì tại điểm b khoản 1 Điều 4 Quy chế này và tạm ứng, thanh toán, quyết toán kinh phí hỗ trợ theo hợp đồng đã ký hoặc thực hiện trực tiếp các đề án thuộc Chương trình do Trung tâm Khuyến công và Xúc tiến thương mại chủ trì đảm bảo theo đúng quy định.

4. Đối với các đề án phải áp dụng hình thức lựa chọn nhà thầu thì thực hiện theo quy định của Luật Đấu thầu và các văn bản hướng dẫn hiện hành có liên quan, sau đó gửi Quyết định phê duyệt kế hoạch lựa chọn nhà thầu về Trung tâm Khuyến công và Xúc tiến thương mại để làm cơ sở ký kết hợp đồng triển khai thực hiện đề án.

Chương II

NỘI DUNG CHƯƠNG TRÌNH VÀ MỨC HỖ TRỢ

Điều 9. Tổ chức hội chợ, triển lãm thương mại và mức hỗ trợ

1. Tổ chức các hội chợ, triển lãm hàng tiêu dùng tổng hợp hoặc vật tư, máy móc, thiết bị phục vụ phát triển nông nghiệp nông thôn, giới thiệu các sản phẩm thuộc Chương trình "Mỗi xã một sản phẩm", các sản phẩm của đơn vị tham gia trong tỉnh đến người tiêu dùng theo quy mô thích hợp với địa bàn của tỉnh.

2. Mức hỗ trợ: Hỗ trợ 50% các khoản chi phí bao gồm: Thuê mặt bằng và thiết kế, dàn dựng gian hàng; dịch vụ điện nước, vệ sinh, an ninh, bảo vệ (nếu chưa có trong chi phí thuê mặt bằng và gian hàng); chi phí quản lý của

đơn vị tổ chức hội chợ triển lãm; trang trí chung của hội chợ triển lãm; tổ chức khai mạc, bế mạc (giấy mời, đón tiếp, trang trí, âm thanh, ánh sáng); tổ chức hội thảo (chi phí thuê hội trường, thiết bị); chi phí tuyên truyền quảng bá giới thiệu hội chợ triển lãm; các khoản chi khác (nếu có). Mức hỗ trợ tối đa là 10 triệu đồng/01 đơn vị tham gia.

Điều 10. Tham gia hội chợ, triển lãm trong nước và mức hỗ trợ

1. Đối với đơn vị chủ trì: Tổ chức đoàn công tác để trưng bày các sản phẩm do các đơn vị trong tỉnh sản xuất: Hỗ trợ 100% chi phí thuê gian hàng triển lãm chung; chi phí thiết kế, dàn dựng và trang trí gian hàng chung; chi phí vận chuyển; chi phí tuyên truyền quảng bá và mời khách đến giao dịch tại gian hàng; chi phí tổ chức hội thảo, hội nghị kết nối cung cầu, trình diễn sản phẩm (nếu có); chi công tác phí cho cán bộ của Đoàn chủ trì.

2. Đối với đơn vị tham gia: Hỗ trợ 50% chi phí thuê gian hàng. Mức hỗ trợ cho mỗi đơn vị tham gia là 02 gian hàng tiêu chuẩn (3m x 3m), mức hỗ trợ tối đa là 10 triệu đồng/01 đơn vị tham gia.

Điều 11. Tổ chức hoạt động bán hàng Việt tại nông thôn, các khu công nghiệp, khu kinh tế, cụm công nghiệp và mức hỗ trợ

1. Hỗ trợ 70% chi phí tổ chức các hoạt động bán hàng thực hiện các chương trình đưa hàng Việt về nông thôn, các khu công nghiệp thông qua các doanh nghiệp kinh doanh theo ngành hàng, hợp tác xã, hộ kinh doanh, tổ hợp tác cung ứng dịch vụ trên địa bàn theo các đề án đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt, bao gồm: Chi phí vận chuyển; chi phí thuê mặt bằng và thiết kế, dàn dựng quầy hàng; dịch vụ phục vụ: Điện, nước, vệ sinh, an ninh, bảo vệ; trang trí chung khu vực tổ chức bán hàng; tổ chức khai mạc, bế mạc; chi phí quản lý, nhân công phục vụ; chi phí tuyên truyền, quảng bá giới thiệu việc tổ chức hoạt động bán hàng; các khoản chi khác (nếu có).

2. Mức hỗ trợ tối đa là 105 triệu đồng/01 đợt bán hàng.

Điều 12. Tuyên truyền, quảng bá sản phẩm sản xuất trong tỉnh và mức hỗ trợ

1. Hỗ trợ 100% chi phí tuyên truyền, nâng cao nhận thức cộng đồng về hàng hóa và dịch vụ trong tỉnh đến người tiêu dùng trong nước qua các hoạt động truyền thông trên báo giấy, báo điện tử, truyền thanh, truyền hình, ấn phẩm và các hình thức phổ biến thông tin khác.

2. Mức hỗ trợ tối đa là 95 triệu đồng/01 chuyên đề tuyên truyền.

Điều 13. Tổ chức sự kiện xúc tiến thương mại thị trường trong nước tổng hợp và mức hỗ trợ

Hỗ trợ 50% chi phí tổ chức các sự kiện xúc tiến thương mại thị trường trong nước tổng hợp: Tháng khuyến mãi, tuần "hàng Việt Nam", chương trình "hàng Việt", chương trình giới thiệu sản phẩm mới, chương trình giới thiệu các sản phẩm đặc trưng của tỉnh.

Điều 14. Xúc tiến thương mại miền núi và hải đảo và mức hỗ trợ

1. Hỗ trợ 100% chi phí để tổ chức phiên chợ hàng Việt từ khu vực sản xuất đến miền núi và hải đảo. Các nội dung được hỗ trợ gồm: Vận chuyển; thuê mặt bằng; thiết kế, dàn dựng gian hàng; dịch vụ phục vụ (gồm chi phí điện, nước, an ninh, vệ sinh); chi phí quản lý; chi phí tuyên truyền, quảng bá giới thiệu chương trình tổ chức bán hàng và hệ thống phân phối hàng hóa, các khoản chi khác (nếu có). Mức hỗ trợ tối đa là 150 triệu đồng/01 phiên chợ. Riêng đối với phiên chợ đưa hàng Việt ra hải đảo mức hỗ trợ tối đa là 200 triệu đồng/01 phiên chợ.

2. Hỗ trợ 100% chi phí tổ chức các hoạt động tuyên truyền, quảng bá, tiêu thụ hàng hóa, đặc biệt là nông sản cho miền núi, hải đảo (gồm chi phí viết bài và chi phí phát hành trên các phương tiện thông tin đại chúng). Mức hỗ trợ tối đa là 50 triệu đồng/01 chuyên đề tuyên truyền.

Điều 15. Tổ chức điều tra, khảo sát, nghiên cứu thị trường trong nước và mức hỗ trợ

1. Hỗ trợ 100% chi phí điều tra, khảo sát, nghiên cứu thị trường trong nước; xây dựng cơ sở dữ liệu các mặt hàng quan trọng, thiết yếu; nghiên cứu phát triển hệ thống phân phối, cơ sở hạ tầng thương mại. Các ấn phẩm để phổ biến kết quả điều tra, khảo sát, phổ biến pháp luật, tập quán, thói quen mua sắm (gồm chi phí mua tài liệu; điều tra, khảo sát và tổng hợp; chi phí xuất bản và phát hành).

2. Mức hỗ trợ tối đa là 01 triệu đồng/01 đơn vị đăng ký và nhận thông tin.

Điều 16. Tổ chức đào tạo, tập huấn và mức hỗ trợ

Hỗ trợ 100% chi phí đào tạo, tập huấn ngắn hạn về kỹ năng kinh doanh, tổ chức mạng lưới bán lẻ; hỗ trợ tham gia các khóa đào tạo chuyên ngành ngắn hạn cho các doanh nghiệp hoạt động trong những ngành đặc thù; đào tạo kỹ năng phát triển thị trường trong nước cho các đơn vị chủ trì; hợp tác với các tổ chức, cá nhân nghiên cứu xây dựng chương trình phát triển thị trường trong nước (gồm chi phí giảng viên, thuê lớp học, thiết bị giảng dạy, tài liệu cho học viên hoặc học phí trọn gói của lớp học).

Điều 17. Quy hoạch, quản lý, vận hành cơ sở hạ tầng thương mại và mức hỗ trợ

1. Hỗ trợ công tác quy hoạch, quản lý, vận hành cơ sở hạ tầng thương mại: Hỗ trợ 50% các khoản chi phí (nếu chưa được nhà nước cấp kinh phí) liên quan đến công tác lập quy hoạch, quản lý, vận hành cơ sở hạ tầng thương mại, mua tư liệu nghiên cứu tham khảo.

2. Mức hỗ trợ tối đa là 175 triệu đồng/01 cụm, điểm quy hoạch.

Chương III

TỔ CHỨC THỰC HIỆN

Điều 18. Trách nhiệm và quyền hạn của Sở Công Thương

1. Chủ trì, hướng dẫn và tổ chức thực hiện Quy chế này.

2. Chủ trì, phối hợp với các cơ quan liên quan tổ chức phổ biến định hướng phát triển thương mại, thị trường trong nước, thương mại miền núi, hải đảo theo chiến lược, quy hoạch và các đề án phát triển ngành được cấp có thẩm quyền phê duyệt; kiểm tra, giám sát việc thực hiện Đề án đảm bảo đúng quy định, mục tiêu, nội dung, tiến độ và yêu cầu đề ra. Trường hợp đơn vị chủ trì không thực hiện đúng mục tiêu, nội dung, tiến độ Đề án đã được phê duyệt hoặc xét thấy nội dung đề án không còn phù hợp, Giám đốc Sở Công Thương xem xét, quyết định chấm dứt việc thực hiện đề án..

3. Hướng dẫn các đơn vị chủ trì xây dựng, bổ sung, điều chỉnh nội dung và báo cáo đề án xúc tiến thương mại theo đúng quy định tại Quy chế này và các văn bản pháp luật liên quan.

4. Phê duyệt kế hoạch lựa chọn nhà thầu đối với các đề án có các hạng mục phải áp dụng hình thức lựa chọn nhà thầu theo phân cấp quản lý, sử dụng tài sản công thuộc phạm vi quản lý của tỉnh Quảng Ngãi.

5. Chủ trì, phối hợp với các cơ quan, đơn vị có liên quan tổ chức kiểm tra, đánh giá tình hình thực hiện các đề án và việc xây dựng dự toán kinh phí thực Chương trình hàng năm, gửi Sở Tài chính thẩm định và có trách nhiệm quản lý, sử dụng kinh phí Chương trình.

Điều 19. Trách nhiệm của Sở Tài chính

Trên cơ sở dự toán kinh phí do Sở Công Thương xây dựng, Sở Tài chính chịu trách nhiệm thẩm định, tham mưu cấp có thẩm quyền xem xét, bố trí nguồn kinh phí để thực hiện Chương trình phù hợp với thực tế và khả năng cân đối ngân sách tỉnh.

Điều 20. Trách nhiệm của đơn vị chủ trì

1. Tổ chức thực hiện các đề án đã được phê duyệt theo đúng mục tiêu, nội dung, tiến độ, dự toán trong hợp đồng đã ký; đảm bảo sử dụng kinh phí tiết kiệm, có hiệu quả và chịu trách nhiệm về nội dung chi theo đúng chế độ tài chính hiện hành.

2. Đối với đề án có nhiều đơn vị tham gia Chương trình, đơn vị chủ trì có trách nhiệm phối hợp và phân công các đơn vị tham gia thực hiện từng nội dung của đề án.

3. Có trách nhiệm lựa chọn đơn vị tham gia phù hợp với tiêu chí đã cam kết trong đề án. Nội dung tham gia của doanh nghiệp phải phù hợp với sản phẩm, dịch vụ của doanh nghiệp.

4. Chịu trách nhiệm lưu giữ hồ sơ, tài liệu liên quan đến chương trình theo quy định của pháp luật. Cung cấp tài liệu hoặc giải trình những vấn đề có liên quan đến việc triển khai chương trình theo yêu cầu của cơ quan có thẩm quyền theo quy định.

5. Trước ngày 01 tháng 7 của năm trước năm kế hoạch, đơn vị chủ trì gửi đề xuất đề án đến Sở Công Thương để rà soát, tổng hợp.

6. Trong vòng 15 ngày kể từ ngày cuối cùng diễn ra hoạt động xúc tiến thương mại, đơn vị chủ trì phải báo cáo thực hiện đề án về Sở Công Thương.

7. Trường hợp không thực hiện được hoặc không hoàn thành đề án trong năm kế hoạch, đơn vị chủ trì có trách nhiệm báo cáo Sở Công Thương xem xét, quyết định.

Điều 21. Trách nhiệm của đơn vị tham gia

Đơn vị tham gia và hưởng lợi từ hỗ trợ của Chương trình, thực hiện theo các quy định của Quy chế này và có trách nhiệm trong việc thực hiện hiệu quả các đề án mà đơn vị tham gia thực hiện.

Điều 22. Trách nhiệm của các cơ quan liên quan

Các sở, ban, ngành, cơ quan, đơn vị có liên quan và Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố theo chức năng, nhiệm vụ, chủ động phối hợp với Sở Công Thương để tổ chức phổ biến và thực hiện Quy chế này đảm bảo hiệu quả Chương trình xúc tiến thương mại trên địa bàn tỉnh.

Điều 23. Khen thưởng và xử lý vi phạm

1. Các tổ chức, cá nhân có thành tích trong việc thực hiện Quy chế thì được xem xét, khen thưởng theo quy định.

2. Các tổ chức và cá nhân có hành vi vi phạm trong việc thực hiện Quy chế, tùy theo mức độ vi phạm sẽ bị xử lý theo quy định của pháp luật hiện hành.

3. Sở Công Thương không xem xét các đề án trong năm tiếp theo của các đơn vị không thực hiện đầy đủ các quy định tại Quy chế này.

Trong quá trình triển khai thực hiện Quy chế này, nếu phát sinh những khó khăn, vướng mắc, các cơ quan, tổ chức, cá nhân liên quan kịp thời phản ánh về Sở Công Thương để rà soát, tổng hợp và tham mưu, trình Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét, quyết định sửa đổi, bổ sung cho phù hợp./.

TM.ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH QUẢNG NGÃI

Đặng Văn Minh

Phụ lục

CÁC BIỂU MẪU

(Ban hành kèm theo Quyết định số 38 /2020/QĐ-UBND ngày 29/12/2020 của UBND tỉnh Quảng Ngãi)

STT	Tên biểu mẫu
Mẫu số 01	Văn bản đề xuất đề án
Mẫu số 02	Đề án chi tiết thực hiện hoạt động xúc tiến thương mại
Mẫu số 03	Văn bản đề xuất bổ sung đề án thực hiện hoạt động xúc tiến thương mại
Mẫu số 04	Văn bản đề nghị điều chỉnh/thay đổi nội dung/chấm dứt thực hiện đề án
Mẫu số 05	Báo cáo thực hiện đề án

Mẫu số 01

TÊN ĐƠN VỊ	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: / V/v đề xuất đề án về xúc tiến thương mại năm	*Quảng Ngãi, ngày tháng năm*

Kính gửi: Sở Công Thương Quảng Ngãi

(Tên đơn vị) đề xuất ……đề án xúc tiến thương mại năm ……..với tổng kinh phí đề nghị nhà nước hỗ trợ là ……triệu đồng.

(Tên đơn vị) gửi kèm đây các tài liệu sau:

1. Danh mục đề án xúc tiến thương mại năm…… được sắp xếp theo thứ tự ưu tiên.

2. Đề án chi tiết: gồm…. đề án.

3. Bản sao (không cần chứng thực) quyết định thành lập hoặc Điều lệ (hoặc văn bản có giá trị tương đương),

4. Báo cáo tình hình hoạt động xúc tiến thương mại của đơn vị chủ trì trong năm gần nhất:

- Đề án đã được đơn vị thực hiện từ năm .... Một số kết quả chính của các đề án năm trước.

- Đã tham gia với tư cách là đơn vị tham gia các đoàn xúc tiến thương mại do các đơn vị chủ trì trong nước/nước ngoài thực hiện.

5. (Tên đơn vị) cử các nhân sự sau chịu trách nhiệm tổ chức triển khai Đề án xúc tiến thương mại năm.....::

Chủ nhiệm đề án: Ông/Bà ……- (Chức vụ)

Điện thoại cố định: ……Di động:.....

Fax: ……Email: .....

Điều phối viên đề án: Ông/Bà ……..- (Chức vụ)

Điện thoại cố định: ……Di động: .....

Fax: ……Email: .....

Kính đề nghị Sở Công Thương tiếp nhận, thực hiện các thủ tục liên quan, xem xét phê duyệt./.

Nơi nhận: - Như trên; - Lưu: VT,……..	**THỦ TRƯỞNG ĐƠN VỊ** *(Ký, ghi rõ họ tên, đóng dấu)*

Mẫu số 02

TÊN ĐƠN VỊ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Quảng Ngãi, ngày tháng năm

ĐỀ ÁN

Tên đề án:.....

1. Sự cần thiết

- Nêu đặc điểm, xu thế thị trường trong tỉnh/nước/thế giới; Phân tích tính phù hợp của đề án này với định hướng phát triển kinh tế xã hội, chiến lược xuất khẩu tỉnh/quốc gia/ chiến lược xuất khẩu chung về ngành hàng và/hoặc thị trường.

- Chứng minh sự phù hợp của đề án với thực trạng về mặt hàng, thị trường, doanh nghiệp, môi trường cạnh tranh.

- Chứng minh đề án xuất phát từ nhu cầu của doanh nghiệp (đề nghị gửi kèm tài liệu).

- Nêu rõ lý do và sự cần thiết phải triển khai thực hiện đề án.

- Làm rõ, cụ thể hóa và chi tiết hóa đề án sẽ góp phần phát triển thương mại như thế nào; vai trò đóng góp của đề án trong việc phát huy hoặc khai thác lợi thế của ngành hàng hay của thị trường mục tiêu.

- Làm rõ, cụ thể hóa và chi tiết hóa đề án sẽ góp phần nâng cao năng lực sản xuất, kinh doanh của cộng đồng đơn vị tham gia như thế nào, khắc phục được hạn chế gì của đơn vị tham gia.

- Làm rõ sự tham gia ủng hộ của các địa phương có mặt hàng mục tiêu của đề án hoặc địa phương nơi thực hiện đề án.

- Đối với đề xuất tổ chức tham gia hội chợ triển lãm trong và ngoài nước, bổ sung thêm thông tin giới thiệu về hội chợ triển lãm được đề xuất.

2. Mục tiêu:

- Đề án xác định mục tiêu cụ thể về nhóm đơn vị tham gia: Số lượng doanh nghiệp nhỏ và vừa, hợp tác xã,...) phù hợp với nội dung đề án.

- Đề án xác định thị trường mục tiêu cụ thể, mang tính trọng tâm, trọng điểm.

- Mục tiêu cụ thể về số lượng đơn vị tham gia đề án, số lượng doanh nghiệp xuất khẩu mới.

- Mục tiêu về phát triển thị phần xuất khẩu, phát triển thị trường xuất khẩu mới.

3. Nội dung đề án

- Thời gian: (đề án đề xuất dài hạn ghi rõ giai đoạn thực hiện).

- Địa điểm:

- Đối tượng mục tiêu: Nêu rõ thành phần doanh nghiệp dự kiến tham gia, tiêu chí lựa chọn doanh nghiệp.

- Mặt hàng mục tiêu: Nêu rõ tiêu chí lựa chọn mặt hàng trưng bày.

- Thị trường mục tiêu:

- Quy mô: Số lượng doanh nghiệp dự kiến tham gia (và quy mô gian hàng dự kiến đối với hội chợ, phiên chợ).

- Nội dung hoạt động chính:

4. Phương thức triển khai:

- Đề án nêu rõ đối tác, nguyên tắc phối hợp để đạt mục tiêu đề án.

- Kinh nghiệm, khả năng hợp tác với các chuyên gia, đối tác uy tín trong và ngoài nước để thực hiện đề án.

- Các dịch vụ gia tăng đơn vị chủ trì có thể hỗ trợ các đơn vị tham gia (nếu có).

5. Kế hoạch triển khai và tiến độ thực hiện

STT	Hạng mục công việc chính	Thời gian bắt đầu	Thời gian kết thúc	Bố trí nhân lực

Đối với đề án đề xuất trung hạn: Xây dựng kế hoạch triển khai và tiến độ thực hiện của từng năm trong giai đoạn đề xuất.

6. Dự toán kinh phí: Chi tiết theo bảng kèm theo

- Tổng dự toán kinh phí: ……đồng

- Phần đề nghị hỗ trợ từ ngân sách Đề án phù hợp với quy định: ……đồng

- Phương án huy động kinh phí (sau khi trừ phần kinh phí hỗ trợ từ ngân sách): rõ ràng, khả thi.

7. Rủi ro dự kiến và các biện pháp khắc phục

Dự báo các rủi ro có thể xảy ra làm ảnh hưởng tới hiệu quả của đề án. Trong từng tình huống, nêu ra các biện pháp khắc phục, phòng ngừa rủi ro.

8. Hiệu quả dự kiến

Phân tích hiệu quả dự kiến cả về mặt định tính và định lượng, ngắn hạn và dài hạn, trực tiếp và gián tiếp phù hợp với mục tiêu đề ra của đề án.

9. Năng lực của đơn vị

- Đã tham gia với tư cách là đơn vị tham gia các đoàn xúc tiến thương mại do các đơn vị chủ trì trong nước/nước ngoài thực hiện.

- Kinh nghiệm chủ trì, triển khai hoạt động xúc tiến thương mại.

- Kết quả triển khai các đề án đã được phê duyệt (nếu có): kết quả định tính, định lượng, mức độ hoàn thành mục tiêu về định tính, định lượng.

- Năng lực huy động tài chính, nhân lực.

THỦ TRƯỞNG ĐƠN VỊ

(Ký, ghi rõ họ tên, đóng dấu)

TÊN ĐƠN VỊ

DỰ TOÁN KINH PHÍ CHI TIẾT ĐỀ ÁN XÚC TIẾN THƯƠNG MẠI NĂM.....

Tên đề án .....

STT	Nội dung hạng mục công việc	Dự toán đơn vị thực hiện đề nghị						Ghi chú
		Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền	Tổng kinh phí đề án	Tổng kinh phí hỗ trợ	
1	Chi phí hỗ trợ doanh nghiệp							
2	Chi phí cho cán bộ tổ chức							
	Tổng cộng							

, ngày tháng năm

THỦ TRƯỞNG ĐƠN VỊ

(Ký, ghi rõ họ tên, đóng dấu)

Mẫu số 03

TÊN ĐƠN VỊ	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**
	Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
Số: / V/v đề xuất bổ sung Đề án xúc tiến thương mại năm……	*Quảng Ngãi, ngày tháng năm*

Kính gửi: Sở Công Thương Quảng Ngãi

Tiếp theo văn bản số... ngày... về việc đề xuất Đề án về xúc tiến thương mại năm... (nếu trước đây đã đề xuất), (Tên đơn vị) đề xuất bổ sung…… đề án xúc tiến thương mại năm ……..với tổng kinh phí đề nghị nhà nước hỗ trợ là ……triệu đồng.

(Tên đơn vị) gửi kèm đây các tài liệu sau:

1. Danh mục đề án đề xuất bổ sung đề án xúc tiến thương mại năm…… được sắp xếp theo thứ tự ưu tiên.

2. Đề án chi tiết được đề xuất bổ sung.

3. Bản sao (không cần chứng thực) quyết định thành lập hoặc Điều lệ (hoặc văn bản có giá trị tương đương).

4. Báo cáo tình hình hoạt động xúc tiến thương mại của đơn vị chủ trì trong năm gần nhất (đối với đơn vị chưa đề xuất đề án xúc tiến thương mại trong năm trước năm kế hoạch):

- Đề án đã được đơn vị thực hiện từ năm .... Một số kết quả chính của các đề án năm trước.

- Đã tham gia với tư cách là đơn vị tham gia các đoàn xúc tiến thương mại do các đơn vị chủ trì trong nước/nước ngoài thực hiện.

5. (Tên đơn vị) cử các nhân sự sau chịu trách nhiệm tổ chức triển khai đề án xúc tiến thương mại năm ……..:

Chủ nhiệm đề án: Ông/Bà... ……- (Chức vụ)

Điện thoại cố định: ……Di động: .....

Fax: ……..Email: .....

Điều phối viên đề án: Ông/Bà …… - (Chức vụ)

Điện thoại cố định: ……..Di động: .....

Fax: ……..Email: .....

Kính đề nghị Sở Công Thương Quảng Ngãi tiếp nhận, thực hiện các thủ tục liên quan, xem xét phê duyệt./.

Nơi nhận: - Như trên; - Lưu: VT,……..	**THỦ TRƯỞNG ĐƠN VỊ** *(Ký, ghi rõ họ tên, đóng dấu)*

Mẫu số 04

TÊN ĐƠN VỊ	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**
	Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
Số: /	*Quảng Ngãi, ngày tháng năm*
V/v đề nghị điều chỉnh/thay đổi nội dung/chấm dứt thực hiện đề án	

Kính gửi: Sở Công Thương Quảng Ngãi .

Tại Quyết định số .... ngày .... tháng .... năm ... của Giám đốc Sở Công Thương Quảng Ngãi, (Tên đơn vị) đã được phê duyệt thực hiện đề án (Tên đề án)

(Tên đơn vị) đã triển khai công tác chuẩn bị thực hiện đề án và đề xuất như sau:

1. Đề nghị điều chỉnh nội dung đề án/thay đổi nội dung/chấm dứt thực hiện đề án:

.....

.....

2. Lý do:

.....

.....

(Tên đơn vị) đề nghị Sở Công Thương Quảng Ngãi xem xét chấp thuận./.

Nơi nhận:
- Như trên;
- Lưu: VT,……..

ĐẠI DIỆN ĐƠN VỊ
(Ký, ghi rõ họ tên, đóng dấu)

Mẫu số 05

TÊN ĐƠN VỊ	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**
	Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
Số: /	*Quảng Ngãi, ngày tháng năm*
V/v báo cáo kết quả thực hiện Đề án xúc tiến thương mại năm	

Kính gửi: Sở Công Thương Quảng Ngãi

Thực hiện đề án (Tên đề án) đã được Giám đốc Sở Công Thương Quảng Ngãi phê duyệt tại Quyết định số /QĐ-SCT ngày tháng năm , (Tên đơn vị) báo cáo kết quả thực hiện như sau:

1. Mục tiêu chính của đề án:

2. Thời gian thực hiện:

3. Địa điểm:

4. Đối tượng tham gia:

5. Quy mô:

a) Tổng số lượng đơn vị tham gia:..., gồm (số lượng)..... DN; ..... HTX; .....THT; ..... hộ kinh doanh. Cụ thể:

(Liệt kê cụ thể tên DN, HTX, THT, hộ kinh doanh tham gia cùng ngành hàng/sản phẩm tham gia).

b) Gian hàng (nếu có): ..... gian hàng (quy theo gian hàng tiêu chuẩn 9 m^2).

6. Kết quả thực hiện từng mục tiêu đã đề ra: đề nghị đánh giá kết quả thực hiện so với các mục tiêu nêu tại Mục 1.

7. Kết quả giao dịch (nếu có):

- Số lượng khách giao dịch:

- Số lượng khách hàng nhập khẩu tiềm năng:

- Thị trường xuất khẩu tiềm năng:

- Doanh số bán hàng:

- Hợp đồng/Thỏa thuận đã ký kết (nếu có):

STT	Mặt hàng	Khách hàng (thị trường)	Số lượng	Trị giá/ đơn vị tính
1				
2				
3				

- Kết quả khác:

8. Đánh giá về mặt hàng/thị trường/khả năng cạnh tranh của đơn vị tham gia.

9. Đánh giá của đơn vị tham gia: (tổng hợp dựa trên báo cáo phản hồi của các đơn vị tham gia đề án).

	Đánh giá	Rất tốt	Tốt	Khá	Trung bình	Kém
1	Nội dung đề án	%	%	%	%	%
2	Công tác tổ chức thực hiện	%	%	%	%	%
3	Hiệu quả tham gia đề án	%	%	%	%	%

10. Đề xuất, kiến nghị

Nơi nhận:
- Như trên;
- Lưu: VT.

THỦ TRƯỞNG ĐƠN VỊ
(Ký, ghi rõ họ tên, đóng dấu)